



MỤC LỤC GRI

Vietcombank thực hiện báo cáo các thông tin sau đây cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024, tham chiếu đến Tiêu chuẩn GRI.

Tiêu chuẩn GRI 1 sử dụng là GRI 1: Nền tảng 2021.

Tiêu chuẩn GRI	Nội dung	Mục	Trang
GRI 2: Công bố thông tin chung 2021			
Tổ chức và thực hành báo cáo			
2 - 1	Thông tin tổ chức	Giới thiệu về Vietcombank	12
2 - 2	Các đơn vị bao gồm trong báo cáo bền vững của tổ chức	Thông tin báo cáo	6
2 - 3	Giai đoạn báo cáo, tần suất và đầu mối liên hệ	Thông tin báo cáo	6
Hoạt động và nhân viên, người lao động			
2 - 6	Hoạt động, chuỗi giá trị và các mối quan hệ kinh doanh khác	Giới thiệu về Vietcombank	12
2 - 7	Nhân viên	Phát triển nguồn nhân lực bền vững	74
2 - 8	Người lao động không phải nhân viên	Phát triển nguồn nhân lực bền vững	74
Quản trị			
2 - 9	Cấu trúc và thành phần quản trị	Về Hội đồng quản trị	92
		Cơ cấu và cơ chế quản trị phát triển bền vững	26

Tiêu chuẩn GRI	Nội dung	Mục	Trang
2 - 10	Đề cử và lựa chọn cấp quản lý cao nhất	Về Hội đồng quản trị	92
2 - 11	Chủ tịch của cơ quan quản lý cao nhất	Về Hội đồng quản trị	92
2 - 12	Vai trò của cấp quản lý cao nhất trong giám sát việc quản lý tác động	Về Hội đồng quản trị	92
2 - 13	Phân công trách nhiệm quản lý tác động	Cơ cấu và cơ chế quản trị phát triển bền vững	26
2 - 14	Vai trò của cấp quản lý cao nhất trong báo cáo bền vững	Cơ cấu và cơ chế quản trị phát triển bền vững	26
		Các chủ đề trọng yếu	36
2 - 15	Xung đột lợi ích	Quản trị doanh nghiệp minh bạch và hiệu quả	92
2 - 16	Truyền đạt các vấn đề trọng yếu	Về Hội đồng quản trị	92
2 - 17	Kiến thức tổng hợp của cấp quản lý cao nhất	Về Hội đồng quản trị	92
2 - 18	Đánh giá hiệu quả hoạt động của cấp quản lý cao nhất	Về Hội đồng quản trị	92
2 - 19	Chính sách thù lao	Về Hội đồng quản trị	92
2 - 20	Quy trình xác định mức thù lao	Về Hội đồng quản trị	92
Chiến lược, chính sách và thực hành			
2 - 22	Tuyên bố về chiến lược phát triển bền vững	Mục tiêu và định hướng phát triển bền vững	24

Tiêu chuẩn GRI	Nội dung	Mục	Trang
2 - 23	Cam kết chính sách	Mục tiêu và định hướng phát triển bền vững	24
		Đạo đức kinh doanh	30
		Phát triển nguồn nhân lực bền vững	74
		Phòng chống tham nhũng quyết liệt, toàn diện	109
2 - 24	Lồng ghép các cam kết chính sách	Cơ cấu và cơ chế quản trị phát triển bền vững	26
		Phát triển nguồn nhân lực bền vững	74
		Phòng chống tham nhũng quyết liệt, toàn diện	109
2 - 25	Các quy trình khắc phục tác động tiêu cực	Cơ cấu và cơ chế quản trị phát triển bền vững	26
		Tương tác với các bên hữu quan	31
		Bảo vệ quyền lợi khách hàng	69
		Đồng hành cùng cổ đông và nhà đầu tư	72
		Cơ chế tìm kiếm khuyến nghị và bày tỏ mối quan tâm	26
2 - 26	Cơ chế tìm kiếm khuyến nghị và bày tỏ mối quan tâm	Cơ cấu và cơ chế quản trị phát triển bền vững	26
		Tương tác với các bên hữu quan	31

Tiêu chuẩn GRI	Nội dung	Mục	Trang
2 - 27	Tuân thủ luật pháp và quy định	Cơ cấu và cơ chế quản trị phát triển bền vững	26
		Tuân thủ pháp luật về môi trường	53
2 - 28	Hiệp hội thành viên	Thành viên hiệp hội	46
Gắn kết với các bên hữu quan			
2 - 29	Cách tiếp cận để gắn kết các bên hữu quan	Tương tác với các bên hữu quan	31
2 - 30	Thỏa ước lao động tập thể	Phát triển nguồn nhân lực bền vững	74
GRI 3: Các chủ đề trọng yếu 2021			
3 - 1	Quy trình xác định chủ đề trọng yếu	Các bước xác định chủ đề trọng yếu	36
3 - 2	Danh sách chủ đề trọng yếu	Danh sách chủ đề trọng yếu	37
3 - 3	Quản lý chủ đề trọng yếu	Ma trận trọng yếu	40
		Kết quả thực hiện	48
GRI 201: Hiệu quả kinh tế			
201 - 1	Giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra và phân phối	Đóng góp vào phát triển kinh tế	91
GRI 202: Hiện diện trên thị trường 2016			
202 - 1	Tỷ lệ mức lương chuẩn đầu vào theo giới tính so với mức lương tối thiểu địa phương	Phát triển nguồn nhân lực bền vững	74

Tiêu chuẩn GRI	Nội dung	Mục	Trang
GRI 203: Tác động kinh tế gián tiếp 2016			
203 - 1	Đầu tư hạ tầng và hỗ trợ dịch vụ	Đóng góp cho cộng đồng	86
203 - 2	Tác động kinh tế gián tiếp đáng kể	Đóng góp cho cộng đồng	86
GRI 204: Thông lệ mua sắm 2016			
204 - 1	Tỷ lệ chi tiêu cho các nhà cung cấp địa phương	Mua sắm hiệu quả và quản lý nhà cung cấp	108
GRI 205: Chống tham nhũng 2016			
205 - 1	Các hoạt động được đánh giá rủi ro liên quan đến tham nhũng	Phòng chống tham nhũng quyết liệt, toàn diện	109
205 - 2	Truyền thông và đào tạo về chính sách và quy trình chống tham nhũng	Phòng chống tham nhũng quyết liệt, toàn diện	109
205 - 3	Các vụ việc tham nhũng đã được xác nhận và các hành động đã thực hiện	Phòng chống tham nhũng quyết liệt, toàn diện	109
GRI 302: Năng lượng 2016			
302 - 1	Tiêu thụ năng lượng trong tổ chức	Giảm phát thải và quản lý tài nguyên trong vận hành nội bộ	53
302 - 3	Cường độ sử dụng năng lượng	Giảm phát thải và quản lý tài nguyên trong vận hành nội bộ	53

Tiêu chuẩn GRI	Nội dung	Mục	Trang
302 - 4	Giảm tiêu thụ năng lượng	Giảm phát thải và quản lý tài nguyên trong vận hành nội bộ	53
GRI 303: Nguồn nước và nước thải 2018			
303 - 2	Quản lý tác động liên quan đến nước thải	Giảm phát thải và quản lý tài nguyên trong vận hành nội bộ	53
303 - 4	Nước thải	Giảm phát thải và quản lý tài nguyên trong vận hành nội bộ	53
303 - 5	Tiêu thụ nước	Giảm phát thải và quản lý tài nguyên trong vận hành nội bộ	53
GRI 305: Phát thải 2016			
305 - 1	Phát thải KNK trực tiếp (phạm vi 1)	Môi trường bền vững	50
305 - 2	Phát thải KNK gián tiếp từ năng lượng (phạm vi 2)	Môi trường bền vững	50
305 - 3	Phát thải KNK gián tiếp khác (phạm vi 3)	Môi trường bền vững	50
305 - 4	Cường độ phát thải KNK	Môi trường bền vững	50
305 - 5	Giảm phát thải KNK	Môi trường bền vững	50
GRI 306: Chất thải 2020			
306 - 3	Chất thải phát sinh	Giảm phát thải và quản lý tài nguyên trong vận hành nội bộ	53

Tiêu chuẩn GRI	Nội dung	Mục	Trang
GRI 308: Đánh giá nhà cung cấp về môi trường 2016			
308 – 1	Các nhà cung cấp mới được sàng lọc bằng tiêu chí môi trường	Mua sắm hiệu quả và quản lý nhà cung cấp	108
GRI 401: Việc làm 2016			
401 – 1	Số lượng nhân viên tuyển mới và tỷ lệ nghỉ việc	Phát triển nguồn nhân lực bền vững	74
401 – 2	Các quyền lợi dành cho nhân viên toàn thời gian không dành cho nhân viên tạm thời hoặc bán thời gian	Phát triển nguồn nhân lực bền vững	74
GRI 403: Sức khỏe và an toàn nghề nghiệp 2018			
403 – 2	Xác định mối nguy hiểm, đánh giá rủi ro và điều tra sự cố	Phát triển nguồn nhân lực bền vững	74
403 – 3	Dịch vụ sức khỏe nghề nghiệp	Phát triển nguồn nhân lực bền vững	74
403 – 4	Sự tham gia, tham vấn và giao tiếp của người lao động về sức khỏe và an toàn nghề nghiệp	Phát triển nguồn nhân lực bền vững	74
403 – 5	Đào tạo người lao động về an toàn, vệ sinh lao động	Phát triển nguồn nhân lực bền vững	74
403 – 6	Tăng cường sức khỏe người lao động	Phát triển nguồn nhân lực bền vững	74
GRI 404: Giáo dục và đào tạo 2016			
404 – 1	Số giờ đào tạo trung bình hàng năm mỗi nhân viên	Phát triển nguồn nhân lực bền vững	74
GRI 405: Đa dạng và cơ hội bình đẳng 2016			
405 – 1	Tính đa dạng của các cấp quản lý và nhân viên	Phát triển nguồn nhân lực bền vững	74

Tiêu chuẩn GRI	Nội dung	Mục	Trang
GRI 406: Không phân biệt đối xử 2016			
406 – 1	Các trường hợp phân biệt đối xử và hành động khắc phục đã thực hiện	Phát triển nguồn nhân lực bền vững	74
GRI 407: Tự do lập hội và thương lượng tập thể 2016			
407 – 1	Các hoạt động và các nhà cung cấp mà ở đó quyền tự do lập hội và thương lượng tập thể có thể gặp rủi ro	Phát triển nguồn nhân lực bền vững	74
		Mua sắm hiệu quả và quản lý nhà cung cấp	
GRI 408: Lao động trẻ em 2016			
408 – 1	Các hoạt động và nhà cung cấp có rủi ro đáng kể về các vụ việc lao động trẻ em	Phát triển nguồn nhân lực bền vững	74
		Mua sắm hiệu quả và quản lý nhà cung cấp	
GRI 409: Lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc 2016			
409 – 1	Các hoạt động và nhà cung cấp có rủi ro đáng kể về các vụ việc lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc	Phát triển nguồn nhân lực bền vững	74
		Mua sắm hiệu quả và quản lý nhà cung cấp	
GRI 417: Tiếp thị và nhãn hiệu 2016			
417 – 1	Yêu cầu về thông tin và ghi nhãn sản phẩm, dịch vụ	Bảo vệ quyền lợi khách hàng	69